

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
VIETNAM NATIONAL CHEMICAL GROUP
DRY CELL AND STORAGE BATTERY
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 43 /PA-CBTT

No. : 43 /PA-CBTT

Tp. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Ho Chi Minh City, 20 January, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

To: **HOCHIMINH STOCK EXCHANGE**

STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM/
DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán /*Stock code*: PAC

- Địa chỉ/*Address*: 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam./*321 Tran Hung Dao, Co Giang Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028.39203062

Fax: 028.39203060

- E-mail: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính quý 4 năm 2025./
Dry Cell and Storage Battery Joint Stock Company announces Financial Statements for the fourth quarter of 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/01/2026 tại đường dẫn www.pinaco.com.vn/This information was published on the company's website on 20/01/2026 (date), as in the link www.pinaco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo tài chính Q4/2025
Financial Statements for the fourth quarter of 2025.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Năm

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 19) ngày 25 tháng 9 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Ông Lê Văn Năm
Ông Nguyễn Văn Chung

Ông Nguyễn Văn Đạt

Ông Nguyễn Quốc Việt
Ông Shigeru Ezure

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
(từ nhiệm từ ngày 26/04/2025)
Thành viên
(bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh
Bà Phan Thị Hoàng Giang
Bà Vũ Thị Mai Nhung

Bà Vương Thị Hải Yến

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên
(từ nhiệm từ ngày 26/04/2025)
Thành viên
(bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm
Ông Nguyễn Điền Phước Chân
Ông Nguyễn Duy Hưng
Ông Nguyễn Hoàng Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cầu Ông Lãnh,
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND (Điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.042.304.051.452	1.833.367.158.298
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	97.739.692.653	200.617.830.195
Tiền	111		97.739.692.653	170.617.830.195
Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		655.000.000.000	555.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	655.000.000.000	555.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		270.949.714.301	191.740.806.102
Phải thu của khách hàng	131	6	164.316.866.581	154.936.408.793
Trả trước cho người bán	132	7	91.281.509.965	25.979.920.439
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	18.028.637.389	11.720.885.063
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.691.435.361)	(896.408.193)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		14.135.727	-
Hàng tồn kho	140	10	731.570.286.411	696.245.897.537
Hàng tồn kho	141		737.617.848.880	701.548.787.054
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.047.562.469)	(5.302.889.517)
Tài sản ngắn hạn khác	150		287.044.358.087	189.762.624.464
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.804.831.514	5.646.799.672
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	281.239.526.573	183.010.452.344
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.105.372.448

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND (Điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		695.310.386.554	703.047.428.916
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.161.935.915	5.840.446.253
Phải thu dài hạn khác	216		7.161.935.915	5.840.446.253
Tài sản cố định	220		363.185.281.317	394.841.100.081
Tài sản cố định hữu hình	221	11	328.265.723.013	354.390.717.594
Nguyên giá	222		1.454.758.639.108	1.396.327.795.749
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.126.492.916.095)	(1.041.937.078.155)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	26.040.702.862	31.931.408.443
Nguyên giá	225		47.125.644.645	47.125.644.645
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(21.084.941.783)	(15.194.236.202)
Tài sản cố định vô hình	227	13	8.878.855.442	8.518.974.044
Nguyên giá	228		42.789.029.434	40.995.029.434
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.910.173.992)	(32.476.055.390)
Tài sản dở dang dài hạn	240		45.880.977.806	19.705.177.642
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	45.880.977.806	19.705.177.642
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		246.582.191.516	250.160.704.940
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	207.810.179.863	211.470.029.392
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	5.097.978.077	3.585.532.416
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	33.674.033.576	35.105.143.132
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.737.614.438.006	2.536.414.587.214

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

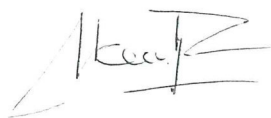
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND (Điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.713.759.682.495	1.570.608.435.103
Nợ ngắn hạn	310		1.705.783.819.010	1.555.563.388.710
Phải trả người bán	311	18	192.770.795.055	133.532.968.260
Người mua trả tiền trước	312		20.981.298.650	37.088.697.615
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	9.529.130.465	14.517.324.256
Phải trả người lao động	314		72.613.976.733	80.487.268.855
Chi phí phải trả	315	20	13.821.348.303	16.117.176.448
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	3.763.000.896	28.105.033.710
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.349.314.317.645	1.206.974.054.267
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	14.025.057.618	11.090.279.515
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	28.964.893.645	27.650.585.784
Nợ dài hạn	330		7.975.863.485	15.045.046.393
Phải trả dài hạn khác	337		1.409.600.000	1.909.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	6.566.263.485	13.135.446.393
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.023.854.755.511	965.806.152.111
Vốn chủ sở hữu	410	25	1.023.854.755.511	965.806.152.111
Vốn cổ phần	411	26	697.073.280.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		697.073.280.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		194.840.551.098	389.208.670.171
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		130.356.225.189	110.295.712.716
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.755.617.813	3.929.924.097
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		117.600.607.376	106.365.788.619
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.737.614.438.006	2.536.414.587.214

Ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Kiều Ly
Nhân viên kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Văn Diệp
Kế toán Trưởng

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

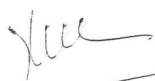
	Mã số	TM	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND (Điều chỉnh lại)	Lũy kế đến ngày 31/12/2025 VND	Lũy kế đến ngày 31/12/2024 VND (Điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng	01	29	1.069.123.620.351	930.321.630.365	4.258.597.663.535	3.849.053.470.231
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	159.723.908.602	168.036.287.212	672.024.714.988	643.644.957.630
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	909.399.711.749	762.285.343.153	3.586.572.948.547	3.205.408.512.601
Giá vốn hàng bán	11	30	803.982.927.643	661.514.589.471	3.165.089.879.121	2.787.490.123.253
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		105.416.784.106	100.770.753.682	421.483.069.426	417.918.389.348
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	11.991.531.079	7.908.207.384	43.635.892.576	46.165.881.107
Chi phí tài chính	22	32	13.523.874.943	17.859.727.302	59.697.658.853	60.191.383.332
<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí lãi vay</i>	23		13.696.457.066	10.160.068.540	48.777.938.215	41.936.668.219
Chi phí bán hàng	25	33	49.855.455.155	31.328.000.479	187.602.854.912	172.823.251.203
Chi phí quản lý DN	26	34	15.891.931.415	16.350.076.333	69.742.120.841	64.815.077.553
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		38.137.053.672	43.141.156.952	148.076.327.396	166.254.558.367
Thu nhập khác	31		359.121.160	4.364.151	2.045.745.412	616.162.107
Chi phí khác	32		3.439.178	13.411.824	3.470.579	35.921.050
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		355.681.982	(9.047.673)	2.042.274.833	580.241.057
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		38.492.735.654	43.132.109.279	150.118.602.229	166.834.799.424
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	6.629.419.860	9.570.437.891	34.030.440.514	38.344.461.579
Lợi ích/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(1.241.221.070)	(725.451.737)	(1.512.445.661)	(154.586.622)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.104.536.864	34.287.123.125	117.600.607.376	128.644.924.467
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	427	660	1.518	2.487

Ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Kiều Ly
Nhân viên kế toán



Nguyễn Văn Diệp
Kế toán Trưởng



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		Giai đoạn kết thúc năm ngày	
	Mã số	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	150.118.602.229	164.312.356.037
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	93.512.731.956	90.006.230.311
Các khoản dự phòng	03	5.474.478.223	26.982.937.703
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	305.561.140	3.149.466.099
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(32.111.342.398)	(35.513.283.906)
Chi phí lãi vay	06	48.777.938.215	41.936.668.219
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	266.077.969.365	290.874.374.463
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(180.917.938.964)	(2.369.049.284)
Biến động hàng tồn kho	10	(34.637.952.270)	(52.001.264.564)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(11.686.236.228)	(112.316.985.005)
Biến động chi phí trả trước	12	3.501.817.687	(2.385.551.449)
Tiền lãi vay đã trả	14	(47.812.136.255)	(42.001.152.152)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.899.489.504)	(39.544.399.989)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.765.989.115)	(8.962.614.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(55.139.955.284)	31.293.357.929
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(88.125.064.931)	(58.219.920.952)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	180.925.926	260.112.293
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23	(1.020.000.000.000)	(555.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24	950.000.000.000	505.870.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	26.376.576.146	57.663.820.542
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(131.567.562.859)	(49.425.988.117)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.978.096.900.903	2.721.837.438.558
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.842.142.729.882)	(2.587.966.579.735)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.772.321.369)	(8.864.198.719)
Tiền trả cổ tức	36		(46.471.707.000)	(69.698.961.559)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		83.710.142.652	55.307.698.545
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(102.997.375.491)	37.175.068.357
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		200.617.830.195	161.948.859.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		119.237.949	1.493.901.965
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	97.739.692.653	200.617.830.195

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2025 VND	2024 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	20.095.388.549	21.953.272.081

Ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Kiều Ly
Nhân viên kế toán

Người duyệt:





Nguyễn Văn Diệp
Kế toán Trưởng



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 2 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1.206 nhân viên (01/01/2025: 1.255 nhân viên).

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 45 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	14.007.427.357	8.551.848.142
Tiền gửi ngân hàng	83.732.265.296	136.882.843.065
Tiền đang chuyển	-	25.183.138.988
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	97.739.692.653	200.617.830.195

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 5,6% đến 7,3% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 6,2% đến 9,5%).

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Kinh Doanh VinFast	43.934.833.669	12.005.768.664
Mr. Chea Se	21.979.021.578	18.667.560.785
Công ty Honda Việt Nam	7.673.689.135	6.671.303.575
Romisa Trading Enterprises	7.623.670.336	14.480.791.661
Công ty TNHH Ford Việt Nam	6.109.453.086	4.999.035.173
Công ty TNHHẮc Quy CN Vĩnh Phúc	5.989.973.760	-
Chi Nhánh Hà Tĩnh – Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Kinh Doanh VinFast	5.799.608.890	-
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	5.446.334.100	6.241.740.236
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Và Lắp Ráp Xe Tải Thaco	5.203.193.868	6.178.654.188
Công ty TNHH Kim Vũ Minh	5.159.066.500	1.283.584.208
Các khách hàng khác	49.398.021.659	84.407.970.303
	164.316.866.581	154.936.408.793

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hoàng Gia	15.925.946.936	2.805.228.160
Công ty TNHH Kỹ thuật Sao Việt	10.252.000.000	-
Kae Lii Machine MFG Co.,Ltd.	9.157.758.050	-
Wirtz Manufacturing Co., Inc	9.077.158.344	2.885.390.689
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	8.866.733.145	7.065.315.793
J&L Tech Co. Ltd.	6.607.555.200	327.860.650
Công ty TNHH Điện - Tự Động Hóa B Và I	3.981.310.330	-
Shenyang Zhonghe Wanxing Technology Co., Ltd	3.783.009.650	569.966.211
Jiangsu Jinfan Power Technology	3.548.031.080	-
Andritz Sovema S.P.A	3.440.166.550	1.002.035.600
Các nhà cung cấp khác	16.641.840.680	11.324.123.336
	91.281.509.965	25.979.920.439

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu lãi tiền gửi	15.828.136.984	8.402.246.577
Tạm ứng cho nhân viên	1.045.599.556	658.959.133
Trả trước cho thuê tài chính	965.534.245	2.658.679.353
Phải thu khác	189.366.604	1.000.000
	18.028.637.389	11.720.885.063

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 1 năm đến 2 năm	3.142.956.673	(1.571.478.337	1.571.478.336
Công ty Cổ Phần Tái Sinh Việt Nam	Trên 3 năm	312.681.520	(312.681.520	-
Khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	11.197.808.206	(565.404.516	10.632.403.690
		14.653.446.399	(2.449.564.373	12.203.882.026
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		14.895.317.387	(2.691.435.361)	12.203.882.026

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	620.187.361	(186.056.208)	434.131.153
Công ty Cổ phần Tái sinh Việt Nam	Trên 3 năm	312.681.520	(312.681.520)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	441.795.437	(155.799.477)	285.995.960
		1.374.664.318	(654.537.205)	720.127.113
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		1.616.535.306	(896.408.193)	720.127.113

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu kỳ	896.408.193	1.189.519.776
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	1.795.027.168	(293.111.583)
Số dư cuối kỳ	2.691.435.361	896.408.193

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	201.304.971.018		178.362.357.212	
Hàng mua đang đi đường	90.019.577.324		61.410.576.953	
Công cụ và dụng cụ	6.400.427.308		8.303.209.037	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	203.150.619.283		197.443.415.157	
Thành phẩm	236.739.843.216	(4.445.218.666)	256.026.817.964	(3.700.545.714)
Hàng hóa	2.410.731		2.410.731	
Hàng tồn kho	737.617.848.880	(4.445.218.666)	701.548.787.054	(3.700.545.714)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	33.674.033.576	(1.602.343.803)	35.105.143.132	(1.602.343.803)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu kỳ	5.302.889.517	3.710.244.930
Số trích lập/hoàn nhập trong kỳ	744.672.952	1.592.644.587
Số dư cuối kỳ	6.047.562.469	5.302.889.517

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	212.471.529.256	1.123.895.937.306	40.187.669.522	14.363.403.055	5.409.256.610	1.396.327.795.749
Tăng trong kỳ	427.997.587	5.874.616.879	195.000.000	360.781.145		6.858.395.611
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	51.528.823.156	1.768.046.000	-	-	53.296.869.156
Thanh lý	-	-	(1.691.124.155)	-	-	(1.691.124.155)
Chuyển qua Chi phí trả trước	-	(12.297.253)	-	(21.000.000)	-	(33.297.253)
Số dư cuối kỳ	212.899.526.843	1.181.287.080.088	40.459.591.367	14.703.184.200	5.409.256.610	1.454.758.639.108
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	154.074.724.316	838.296.519.165	32.874.294.142	12.939.202.696	3.752.337.836	1.041.937.078.155
Khấu hao trong kỳ	10.789.126.116	72.168.223.054	2.099.197.901	634.015.622	497.345.080	86.187.907.773
Nhận từ/Chuyển qua Chi phí trả trước	-	61.810.045	-	(2.755.723)	-	59.054.322
Thanh lý	-	-	(1.691.124.155)	-	-	(1.691.124.155)
Số dư cuối kỳ	164.863.850.432	910.526.552.264	33.282.367.888	13.570.462.595	4.249.682.916	1.126.492.916.095
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	58.396.804.940	285.599.418.141	7.313.375.380	1.424.200.359	1.656.918.774	354.390.717.594
Số dư cuối kỳ	48.035.676.411	270.760.527.824	7.177.223.479	1.132.721.605	1.159.573.694	328.265.723.013

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 761.427 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (01/01/2025: 606.578 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**
Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	47.125.644.645	-	47.125.644.645
Số dư cuối kỳ	47.125.644.645	-	47.125.644.645
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	15.194.236.202	-	15.194.236.202
Khấu hao trong kỳ	5.890.705.581	-	5.890.705.581
Số dư cuối kỳ	21.084.941.783	-	21.084.941.783
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	31.931.408.443	-	31.931.408.443
Số dư cuối kỳ	26.040.702.862	-	26.040.702.862

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	23.114.143.021	12.662.107.757	5.218.778.656	40.995.029.434
Mua ngoài	-	233.000.000	-	233.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	1.561.000.000	-	1.561.000.000
Số dư cuối kỳ	23.114.143.021	14.456.107.757	5.218.778.656	42.789.029.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	16.359.373.626	10.897.903.108	5.218.778.656	32.476.055.390
Khấu hao trong kỳ	221.519.395	1.212.599.207	-	1.434.118.602
Số dư cuối kỳ	16.580.893.021	12.110.502.315	5.218.778.656	33.910.173.992
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	6.754.769.395	1.764.204.649	-	8.518.974.044
Số dư cuối kỳ	6.533.250.000	2.345.605.442	-	8.878.855.442

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 32.187 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (01/01/2025: 15.236 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu kỳ	19.705.177.642	87.038.607.873
Tăng trong kỳ	81.033.669.320	83.264.789.281
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(53.296.869.156)	(148.355.052.253)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	(1.561.000.000)	(1.818.201.905)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(424.965.354)
Số dư cuối kỳ	45.880.977.806	19.705.177.642

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Máy móc và thiết bị	41.214.065.692	17.396.943.366
Các công trình khác	4.666.912.114	2.308.234.276
	45.880.977.806	19.705.177.642

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2025		01/01/2025	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	185.321.819.727	3.968.499.460	22.179.710.205	211.470.029.392
Tăng trong kỳ	-	7.366.775.028	9.814.373.980	17.181.149.008
Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 11)	-	18.244.277	-	18.244.277
Phân bổ trong kỳ	(5.192.385.617)	(3.402.799.635)	(12.264.057.562)	(20.859.242.814)
Số dư cuối kỳ	180.129.434.110	7.950.719.130	19.730.026.623	207.810.179.863

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.805.011.524	2.218.055.903
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	1.209.512.494	1.060.577.903
Chi phí phải trả	20%	1.083.454.059	306.898.610
		5.097.978.077	3.585.532.416

18. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2025 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	01/01/2025 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Le Long Việt Nam	31.089.555.031	-
Trafigura Pte Ltd	20.861.505.467	11.062.020.556
Samji Metal Ind Co.,Ltd	13.217.882.659	-
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	12.217.337.007	16.105.542.087
Công ty TNHH Srithai (Việt Nam)	10.820.686.749	9.315.852.719
Korea Zinc Co.,Ltd. Onsan Complex	8.923.802.016	-
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	8.022.022.765	-
Baoding Golden Sunlight Power Equipment Technology	7.075.630.250	6.585.386.985
Thai United Industry Co.,Ltd.	7.056.421.199	3.132.332.606
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	5.932.454.478	3.181.320.445
Công ty TNHH Kim Vũ Minh	5.183.721.919	3.448.095.839
Các nhà cung cấp khác	62.369.775.515	80.702.417.023
	192.770.795.055	133.532.968.260

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2025 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	01/01/2025 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	1.933.744.860	956.027.880
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	828.523.080	403.382.100
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que Hàn	21.222.000	23.457.600
CN Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	38.500.000	38.500.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	746.663.469	679.138.954.720	(512.420.340.198)	(167.009.227.649)	456.050.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.874.012.715	34.738.645.480	-	(37.899.489.504)	9.713.168.691
Thuế thu nhập cá nhân	622.684.332	5.726.301.147	-	(6.381.748.722)	(32.763.243)
Phí thuê đất	-	8.194.605.676	-	(10.746.907.566)	(2.552.301.890)
Các loại thuế khác	273.963.740	11.590.098.547	-	(9.916.085.722)	1.947.976.565
	14.517.324.256	739.388.605.570	(512.420.340.198)	(231.953.459.163)	9.532.130.465

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	01/01/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	183.010.452.344	610.649.414.427	(512.420.340.198)	281.239.526.573

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí bán hàng	3.999.324.240	3.116.750.326
Chi phí nghỉ mát, bảo hiểm, BHLĐ	1.159.466.432	9.974.280.640
Chi phí vận chuyển	4.442.248.912	59.685.029
Chi phí lãi vay	965.801.960	1.329.808.021
Các khoản chi phí phải trả khác	3.254.506.759	1.636.652.432
	13.821.348.303	16.117.176.448

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tạm ứng dự án	3.000.000.000	3.000.000.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	172.363.840	1.299.667.093
Các khoản phải trả khác	556.262.479	536.717.393
Cổ tức	34.374.577	23.268.649.224
	3.763.000.896	28.105.033.710

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Vay và nợ thuê tài chính****(a) Vay ngắn hạn**

	01/01/2025		Biến động trong kỳ			31/12/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba (i)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng (ii)	1.167.904.871.359	1.167.904.871.359	2.971.527.717.995	2.829.004.364.066	(183.090.551)	1.310.245.134.737	1.310.245.134.737
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	6.569.182.908	6.569.182.908	6.569.182.908	6.569.182.908	-	6.569.182.908	6.569.182.908
	1.206.974.054.267	1.206.974.054.267	2.978.096.900.903	2.835.573.546.974	(183.090.551)	1.349.314.317.645	1.349.314.317.645

(i) Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHĐ/VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hợp đồng này chưa được hoàn tất gia hạn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất		31/12/2025	01/01/2025
		31/12/2025	01/01/2025	VND	VND
<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	3,9% - 4,6%	2,9% - 4,5%	314.957.101.245	485.200.802.111
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	3,5% - 3,7%	3,6% - 3,7%	277.423.495.386	116.534.282.950
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,9% - 5,0%	2,9% - 3,7%	498.768.706.694	144.150.839.334
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,5% - 3,8%	3,5% - 3,6%	99.757.569.221	182.675.349.360
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	USD	3,5%	-	23.016.201.714	-
Ngân hàng Siam Bank Việt Nam	VND	4,5% - 5,5%	3,6%	55.624.767.215	92.397.168.829
Ngân hàng Maybank	USD		3,7%	-	21.772.810.934
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	VND	3,9% - 4,9%	3,6%	40.697.293.262	125.173.617.841
				1.310.245.134.737	1.167.904.871.359

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.135.446.393	19.704.629.301
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(6.569.182.908)	(6.569.182.908)
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng	6.566.263.485	13.135.446.393

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2025	Lãi suất 01/01/2025	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (i)	VND	7,0%	7,2% - 8,2%	13.135.446.393	19.704.629.301
				13.135.446.393	19.704.629.301

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Lãi VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Lãi VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	7.366.044.447	796.861.539	6.569.182.908	7.681.069.425	1.111.886.517	6.569.182.908
Trong vòng hai đến năm năm	6.566.263.485	-	6.566.263.485	13.223.788.339	88.341.946	13.135.446.393
	13.932.307.932	796.861.539	13.135.446.393	20.904.857.763	1.200.228.462	19.704.629.301

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu kỳ	11.090.279.515	10.128.016.370
Số trích lập/sử dụng trong kỳ	2.934.778.103	962.263.145
Số dư cuối kỳ	14.025.057.618	11.090.279.515

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu kỳ	27.650.585.784	27.346.813.865
Quỹ trích lập trong kỳ	13.080.296.976	9.266.386.010
Quỹ sử dụng trong kỳ	(11.765.989.115)	(8.962.614.091)
Số dư cuối kỳ	28.964.893.645	27.650.585.784

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	123.055.401.166	944.468.268.024
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	128.644.924.467	128.644.924.467
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	34.097.572.537	(34.097.572.537)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.266.386.010)	(9.266.386.010)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(92.943.414.000)	(92.943.414.000)
Điều chỉnh	-	-	-	(5.097.240.370)	(5.097.240.370)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	464.717.070.000	1.584.699.224	389.208.670.171	110.295.712.716	965.806.152.111
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	117.600.607.376	117.600.607.376
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	37.988.090.927	(37.988.090.927)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.080.296.976)	(13.080.296.976)
Cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(46.471.707.000)	(46.471.707.000)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	232.356.210.000	-	(232.356.210.000)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	697.073.280.000	1.584.699.224	194.840.551.098	130.356.225.189	1.023.854.755.511

(*) Trong năm 2025, công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2024 tỷ lệ là 10%.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	69.707.328	697.073.280.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	69.707.328	697.073.280.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	69.707.328	697.073.280.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	35.847.409	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	7.349.562	10,54%	4.899.708	10,54%
Công đoàn Cty CP PinẮc quy Miền Nam	2.443.001	3,50%	1.888.234	4,06%
Các cổ đông khác	24.067.356	34,53%	15.785.492	33,97%
	69.707.328	100,00%	46.471.707	100,00%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trong vòng một năm	6.682.872.209	4.886.415.412
Trong vòng hai đến năm năm	2.877.602.112	2.611.845.101
	9.560.474.321	7.498.260.513

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	108.655.900.507	19.894.373.203

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	557.339,60	32.134.421.678	1.976.902,38	49.918.761.997
EUR	1,45	208.183	12,37	323.022
		32.134.629.861		49.919.085.019

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Doanh thu thuần	2.681.561.906.827	2.495.000.677.846	905.011.041.720	710.407.834.755	3.586.572.948.547	3.205.408.512.601
Giá vốn	(2.322.476.283.631)	(2.123.020.918.826)	(842.613.595.490)	(664.469.204.427)	(3.165.089.879.121)	(2.787.490.123.253)
	359.085.623.196	371.979.759.020	62.397.446.230	45.938.630.328	421.483.069.426	417.918.389.348

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	4.258.597.663.535	3.849.053.470.231
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(646.473.315.350)	(606.337.851.163)
▪ Hàng bán bị trả lại	(25.551.399.638)	(37.307.106.467)
	(672.024.714.988)	(643.644.957.630)
Doanh thu thuần	3.586.572.948.547	3.205.408.512.601

30. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Pin và ắc quy đã bán	3.155.059.234.239	2.780.338.331.511
Khuyến mãi có điều kiện	9.285.971.930	5.559.147.155
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	744.672.952	1.592.644.587
	3.165.089.879.121	2.787.490.123.253

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	33.802.466.553	35.253.171.613
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.937.973.353	10.551.550.481
Chiết khấu thanh toán	895.452.670	361.159.013
	43.635.892.576	46.165.881.107

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí tài chính**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	48.777.938.215	41.936.668.219
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	13.763.625.597	15.105.249.014
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(2.843.904.959)	3.149.466.099
	59.697.658.853	60.191.383.332

33. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	45.256.767.613	45.260.094.798
Chi phí vận chuyển	39.985.215.505	34.447.769.734
Chi phí quảng cáo	21.764.924.471	16.965.910.997
Chi phí bảo hành	30.766.165.233	25.683.404.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.550.985.817	17.741.551.554
Chi phí bao bì	5.488.226.594	4.524.100.535
Chi phí khấu hao và phân bổ	559.214.803	907.369.873
Chi phí bán hàng khác	23.231.354.876	27.293.049.013
	187.602.854.912	172.823.251.203

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	34.024.041.446	32.212.277.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.936.154.798	13.730.888.454
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.555.596.398	867.630.084
Chi phí công cụ và dụng cụ	340.660.991	376.433.071
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	22.885.667.208	17.627.848.746
	69.742.120.841	64.815.077.553

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.648.137.662.437	2.373.390.872.486
Chi phí nhân công và nhân viên	287.757.696.391	298.190.989.388
Chi phí khấu hao và phân bổ	93.512.731.956	90.228.477.494
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	373.076.920.342	360.092.161.969

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Ky hiện hành	34.030.440.513	33.840.768.819
Dự phòng thiếu trong các năm trước	-	4.503.692.759
	34.030.440.513	38.344.461.578
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.512.445.661)	(154.586.622)
	32.517.994.852	38.189.874.956

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	150.118.602.229	166.834.799.424
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	30.608.014.097	33.366.959.885
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.909.980.755	319.222.312
Dự phòng thiếu trong các năm trước	-	4.503.692.759
	32.517.994.852	38.189.874.956

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	117.600.607.376	128.644.924.467
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(11.760.060.738)	(13.080.296.976)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	105.840.546.638	115.564.627.491
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	69.707.328	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.518	2.487

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</i>		
Cổ tức	23.898.273.000	47.796.546.000
<i>Furukawa Battery Co Ltd.</i>		
Phí bản quyền	3.234.414.803	2.303.078.130
Cổ tức	4.899.708.000	7.349.562.000
Bên liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	18.231.695.460	7.636.499.100
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	7.615.363.880	6.868.114.550
<i>CN Công ty Cổ Phần Thiết Kế Công Nghiệp Hóa Chất</i>		
Mua hàng hóa	1.695.706.668	1.450.898.999
<i>Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn</i>		
Mua hàng hóa	327.682.800	333.169.200
<i>Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất</i>		
Mua hàng hóa	228.365.599	345.854.694
<i>Công ty Cổ phần Pin Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	158.957.700	-
<i>Chi Nhánh Công ty Cổ phần Bột Giặt Net tại TPHCM</i>		
Mua hàng hóa	-	5.273.997

39. Tiền lương, thù lao và phụ cấp

	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Ông Lê Hoàng	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Văn Năm	90.000.000	85.500.000
Ông Nguyễn Văn Chung	59.200.000	173.100.000
Ông Nguyễn Văn Đạt	118.400.000	-
Ông Nguyễn Quốc Việt	177.600.000	173.100.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	2025 VND	2024 VND
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Bà Phan Thị Hoàng Giang	102.000.000	96.000.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	34.000.000	96.000.000
Bà Vương Thị Hải Yên	68.000.000	-
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i>		
Ông Tạ Duy Linh	218.000.000	218.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i>		
Tổng giám đốc	916.680.400	893.910.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc	1.281.458.400	1.249.500.000

40. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh nêu trên, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Năm 2025, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo kết quả kiểm toán, Công ty đã quyết định điều chỉnh thông tin so sánh tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2025 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. So sánh số liệu được báo cáo trước đó và được trình bày lại như sau:

a) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2025 VND (Điều chỉnh lại)	VND Điều chỉnh	1/1/2025 VND (Theo báo cáo trước đây)
Tài sản			
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.105.372.448	1.105.372.448	-
Tài sản cố định hữu hình	354.390.717.594	780.014.774	353.610.702.820
<i>Nguyên giá</i>	<i>1.396.327.795.749</i>	<i>1.002.261.957</i>	<i>1.395.325.533.792</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(1.041.937.078.155)</i>	<i>(222.247.183)</i>	<i>(1.041.714.830.972)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.705.177.642	(865.290.311)	20.570.467.953
Chi phí trả trước dài hạn	211.470.029.392	613.218.924	210.856.810.468
Nợ phải trả			
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	14.517.324.256	6.707.101.495	7.810.222.761
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.117.176.448	(1.994.500.000)	18.111.676.448
Lợi nhuận chưa phân phối	110.295.712.716	(3.079.285.660)	113.374.998.376
- <i>Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>3.929.924.097</i>	<i>(6.053.958.022)</i>	<i>9.983.882.119</i>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2025 VND (Điều chỉnh lại)	VND Điều chỉnh	1/1/2025 VND (Theo báo cáo trước đây)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	106.365.788.619	2.974.672.362	103.391.116.257

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024 VND (Điều chỉnh lại)	Điều chỉnh VND	2024 VND (Theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	2.787.490.123.253	(1.881.244.239)	2.789.371.367.492
Chi phí bán hàng	172.823.251.203	(544.919.702)	173.368.170.905
Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.815.077.553	(96.279.446)	64.911.356.999
Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.344.461.579	504.488.677	37.839.972.902

Ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Kiều Ly
Nhân viên kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Kế toán Trưởng



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc